

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 5 – 2021

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Sĩ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Ánh Hoa

Ông Võ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Trần Huyền Tr; Sinh năm: 1989; Cư trú tại: ấp Nhà Hội, xã A , huyện B, tỉnh C. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Thanh D, Sinh năm: 1989; Cư trú tại: Khu tập thể Điện Lực, đường Phan Đình Phùng, khóm D, phường G, thành phố H, tỉnh C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: chị Tr và anh D kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường G, thành phố H, tỉnh C. Quá trình chung sống vợ chồng chị Tr cho rằng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không thể hòa giải được. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị Tr xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 người con tên Lê Trần Nhật B, sinh ngày 22/12/2013, khi ly hôn chị Tr yêu cầu nuôi con, không đặt ra việc cấp dưỡng .

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr khai không có.

Đối với anh D Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh D được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn. Chị Tr và anh D kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố H, tỉnh C, hôn nhân có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Nay xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh D có nhiều mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 đứa tên Lê Trần Nhật B, sinh ngày 22/12/2013 hiện đang sống với chị Tr, khi ly hôn chị Tr yêu cầu nuôi con. Xét thấy hiện cháu B đang sống với chị Tr và qua ghi ý kiến của cháu thì cháu xác định có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ khi chị Tr và anh D ly hôn, do đó cần tiếp tục giao con cho chị Tr nuôi là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị Tr không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[6] Về nợ chung: Chị Tr khai không có.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình chị Tr phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56,57, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Huyền Tr được ly hôn với anh Lê Thanh D.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Trần Nhật B, sinh ngày 22/12/2013 cho chị Trần Huyền Tr nuôi. Anh D được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Chị Tr khai không có.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Tr phải chịu 300.000đ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 chị đã dự nộp 300.000đ tại lai số 0000690 được giữ y sung quỹ nhà nước.

Chị Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường G, Tp. H;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

Lương Tiến Sĩ